TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số**:** 44/2023/HNGĐ-ST Ngày: 01-6-2023 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồng

Ông Nguyễn Văn Tân

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2023/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 28/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/5/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn M, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã VP, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn T, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 29/8/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn M trình bày:

Năm 2005 bà và ông Nguyễn T có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn muộn ngày 05/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng bà sống rất vui vẻ, hạnh phúc, thời gian về sau vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T nhiều lần uống rượu say về đánh đập bà, vợ chồng bà đã ly thân với nhau nhiều lần nhưng đến ngày 02/9/2022 là chính thức ly thân đến nay, không còn quan tâm đến nhau cũng không có liên

lạc với nhau. Tình cảm vợ chồng đã không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn T.

Bà và ông T có hai con chung là cháu Nguyễn TT, sinh ngày 26/12/2006, cháu TT đang sống chung với ông bà nội nhưng cuối tuần là về nhà bà để chơi với bà và em gái, còn cháu Nguyễn TM, sinh ngày 18/7/2017, hiện nay hai cháu đang sống chung với bà. Do từ khi bà và ông T sống ly thân với nhau thì cháu TM được bà chăm sóc, nuôi dưỡng còn cháu TT bà cũng có hỏi ý kiến khi bà đưa đơn ly hôn thì cháu TT cũng muốn sống với bà do ở bên nhà nội để thuận lợi đi học nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: trong đơn kiện thì bà yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Nhưng do ông T không về để giải quyết nên bà rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, việc rút yêu cầu là tự nguyện.

Còn về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: Không yêu cầu giải quyết.

2/ Bị đơn ông Nguyễn T đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không trình bày ý kiến gửi đến Toà án, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn T và bà Nguyễn M được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2005 và đến ngày 05/11/2007 ông T và bà M là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà M là hợp pháp. Trong cuộc sống vợ chồng của ông T và bà M, theo bà M cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, vợ chồng bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T thường xuyên đánh đập bà mỗi lần nhậu say về, bà và ông T đã ly thân nhau chính thức từ ngày 02/9/2022 cho đến nay, không còn liên lạc, tình cảm vợ chồng đã không còn nên tại phiên tòa bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Còn ông T đã được Tòa án thông báo về việc bà M yêu cầu ly hôn nhưng đến khi mở phiên tòa cũng không có ý kiến trình bày. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông T và bà M đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn

trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M, cho bà M được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn T và bà Nguyễn M có hai con chung là cháu Nguyễn TT, sinh ngày 26/12/2006 và cháu Nguyễn TM, sinh ngày 18/7/2017, hiện nay cháu TM đang sống chung với bà M còn cháu TT đang sống chung với bà nội cháu. Và bà M có yêu cầu nuôi hai con chung. Cháu TT hiện nay trên 16 tuổi nên theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì con đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con. Bà M có cung cấp tờ nguyện vọng của cháu TT thể hiện mong muốn sống với mẹ (bà M) sau khi cha mẹ ly hôn. Còn cháu TM hiện nay chưa đủ 07 tuổi. Xét thấy, hiện nay hai cháu TT mặc dù không được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng nhưng có nguyện vọng sống cùng với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn; còn cháu TM đang được mẹ ruột là bà M nuôi dưỡng. Nhận thấy, khi cha mẹ ly hôn với nhau là đã tạo nên tâm lý cho trẻ con phải sống xa cha hoặc xa mẹ, từ ngày 02/9/2022 đến nay thì cháu TM đã quen môi trường sống chung với mẹ, không có cha bên cạnh. Còn cháu TT cũng đã hơn 16 tuổi, đủ có nhận thức được lựa chọn sống với cha hoặc mẹ sau khi ly hôn, cháu TT đã ký vào tờ nguyện vọng muốn sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, bà TM mặc dù có yêu cầu nuôi con nhưng vẫn để cháu TT bên nội ăn học ổn định đến hết lớp 12 đồng thời ông T cũng không thể hiện yêu cầu nuôi con. Để đảm bảo môi trường sống của hai cháu, ổn định về mặt tâm lý của cháu TM không bị xáo trộn cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao hai con chung TT và TM cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Ông T được quyền và có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Từ đó, chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn bà M.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà M rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con trong đơn kiện, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung, việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006442 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà M đã thực hiện xong án phí. Ông Nguyễn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn M.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn M được ly hôn với ông Nguyễn T.

2/ Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn TT, sinh ngày 26/12/2006 và cháu Nguyễn TM, sinh ngày 18/7/2017 cho bà Nguyễn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Ông Nguyễn T được quyền và có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ xét xử, không đặt ra xem xét.

4/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: buộc bà Nguyễn M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006442 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà M đã thực hiện xong án phí. Ông Nguyễn T không phải chịu án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án còn đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã VQ, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký tên và đóng dấu

Đặng Thị Vàng